TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13-5-2020
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng.

Bà Nguyễn Thị Loan.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Việt Xô là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 818/2019/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị C, sinh năm 1993; cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn M, sinh năm 1986; cư trú tại ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Cao Thị C và quá trình tố tụng tại Tòa án chị C trình bày: Chị và anh Lê Văn M tự nguyện kết hôn vào năm 2010, đến ngày 02/3/2012 thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh M không quan tâm lo lắng cuộc sống

gia đình, tính tình khó khăn, thường hay kiếm chuyện và xúc phạm đến chị thậm chí nhiều lần đánh đập chị nhưng không sửa chữa nên chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 10/2017, nay chị xin ly hôn với anh M.

Về con chung của chị và anh M gồm có hai người tên Lê Minh Kh, sinh ngày 03/10/2011 và Lê Đăng Kh, sinh ngày 15/12/2013 đang ở cùng anh M, sau khi ly hôn chị thống nhất giao hai người con cho anh M nuôi và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến anh Lê Văn M: Anh và chị Cao Thị C tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Ti. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp chủ yếu là do chị C có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, không quan tâm đến cuộc sống gia đình và tự ý bỏ nhà đi không hiểu lý do, vì điều kiện không thể hàn gắn được nên anh chấp nhận ly hôn cùng chị C.

Về phần con chung có hai người như chị C trình bày, sau khi ly hôn anh yêu cầu nuôi hai người con và yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh đề nghị được vắng mặt khi giải quyết vụ án.

Ý kiến của Lê Minh Kh, sinh năm 2011 là con chung của chị C và anh M có nguyện vọng ở cùng anh M.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Vụ án được Tòa án thụ lý là đúng thẩm quyền, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị C và anh Lê Văn M, chấp nhận giao hai người con cho anh M nuôi, buộc chị C cấp dưỡng nuôi con, về tài sản không xem xét giải quyết, buộc chị C chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của chị Cao Thị C được Tòa án nhân dân huyệnTrần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Lê Văn M đề nghị vắng mặt khi giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[3] Về hôn nhân: Mặc dù, thời điểm kết hôn theo các đương sự trình bày có sự khác nhau nhưng qua kiểm tra giấy chứng nhận kết hôn do chị C cung cấp xác định thời gian kết hôn của chị C và anh M là ngày 02/3/2012 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập có hiệu lực nên hôn nhân được xác định là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết. Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là có sự bất đồng quan điểm, lối sống, sinh hoạt và thường không tin tưởng nhau dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc, thời gian kéo dài nhưng không thể hàn gắn được, phía chị C và anh M đều thống nhất ly hôn nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Thời gian chung sống, chị C và anh M có hai người con chung hiện đang ở cùng anh M, sau khi ly hôn chị C đồng ý giao hai người con cho anh M nuôi. Xét thấy, các đương sự đã thỏa thuận việc nuôi con trong đó có sự phù hợp với nguyện vọng của con đã đủ 7 tuổi và sự thỏa thuận của các đương sự không trái với quy định của pháp luật, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao hai người con cho anh M nuôi.

Về phần cấp dưỡng nuôi con anh M yêu cầu, Hội đồng xét xử thấy rằng: Lê Minh Kh, sinh ngày 03/10/2011 và Lê Đăng Kh, sinh ngày 15/12/2013 là con chung của chị C và anh M hiện tại đều chưa thành niên nên chị C và anh M phải cùng có trách nhiệm. Chị C không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào điều kiện kinh tế của mỗi bên và nhu cầu thiết yếu của việc nuôi con nên buộc chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi mỗi người

con đủ 18 tuổi, chị C phải chịu lãi suất nếu chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Chị C có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về chia tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[6] Về án phí: Chị Cao Thị C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nên chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; phần tạm ứng án phí chị C đã nộp được khấu trừ, phần còn thiếu chị C phải tiếp tục nộp.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật được chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị C và anh Lê Văn M.

Về nuôi con chung: Anh Lê Văn M được quyền nuôi hai người con đang ở cùng anh gồm Lê Minh Kh, sinh ngày 03/10/2011 và Lê Đăng Kh, sinh ngày 15/12/2013.

Chị Cao Thị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 1.000.000 đồng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi mỗi người con đủ 18 tuổi.

Kể từ anh Lê Văn M có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Cao Thị C chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng chị C còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Chị C có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của anh M.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (ly hôn) chị Cao Thị C phải chịu 300.000 đồng và phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (cấp dưỡng) chị Cao Thị C phải chịu 300.000 đồng, chị C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003044 ngày 24/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ, phần còn thiếu chị C phải tiếp tục nộp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã K, huyện T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Hải